

Số:

Thanh Lâm, ngày 24 tháng 11 năm 2025

**KẾ HOẠCH**  
**Chiến lược phát triển trường Tiểu học Thanh Tân**  
**Giai đoạn 2025-2030**

**I. LỜI NÓI ĐẦU**

Kế hoạch chiến lược này được xây dựng nhằm xác định tầm nhìn, sứ mệnh, mục tiêu và các giải pháp chiến lược để phát triển Trường Tiểu học Thanh Lâm trở thành cơ sở giáo dục cơ bản, toàn diện, chất lượng cao, phù hợp với yêu cầu đổi mới giáo dục, đáp ứng nhu cầu học tập của người dân và định hướng phát triển của địa phương trong giai đoạn 2025–2030, tầm nhìn đến 2035.

Nội dung kế hoạch trình bày các mục tiêu chiến lược, chương trình hành động, phân công trách nhiệm, dự toán kinh phí sơ bộ, cơ chế giám sát - đánh giá để bảo đảm triển khai có hiệu quả.

**II. CĂN CỨ PHÁP LÝ**

Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Tiểu học Thanh Tân giai đoạn 2025–2030, tầm nhìn đến 2035 được xây dựng trên cơ sở các văn bản quy phạm pháp luật, các nghị quyết, chỉ thị, hướng dẫn của Trung ương, Bộ Giáo dục và Đào tạo, của tỉnh Ninh Bình và các cơ quan quản lý cấp trên, cụ thể như sau:

**1. Văn bản của Đảng và Nhà nước**

Căn cứ Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII (2021–2026) xác định mục tiêu “Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, chuyển đổi số trong giáo dục, nâng cao dân trí, đào tạo nhân tài”;

Căn cứ Chiến lược phát triển giáo dục Việt Nam giai đoạn 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2045, ban hành kèm theo Quyết định số 2653/QĐ-BGDĐT ngày 25/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015, Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức (sửa đổi, bổ sung năm 2019);

Căn cứ Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở số 10/2022/QH15 ngày 10/11/2022;

Căn cứ Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2016.

## **2. Văn bản của Chính phủ và các bộ, ngành trung ương**

Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 03 tháng 9 năm 2025 về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

Căn cứ Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường Tiểu học (và Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ban hành Chương trình giáo dục phổ thông 2018);

Căn cứ Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT về đánh giá học sinh tiểu học;

Căn cứ Văn bản hợp nhất 11/VBHN-BGHN năm 2024 hợp nhất Thông tư quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học;

Căn cứ Thông tư 22/2024/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Thông tư 17, 18, 19/2018 về kiểm định chất lượng và công nhận chuẩn quốc gia đối với các trường tiểu học, có hiệu lực từ ngày 25/01/2025.

Căn cứ Thông tư số 42/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về cơ sở dữ liệu giáo dục và đào tạo, quy định việc quản lý, vận hành, khai thác và sử dụng dữ liệu ngành phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành và hoạch định chiến lược phát triển giáo dục.

Căn cứ Kế hoạch chuyển đổi số ngành giáo dục giai đoạn 2021–2025, định hướng đến 2030 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## **3. Văn bản của địa phương**

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Ninh Bình lần thứ I (nhiệm kỳ 2025–2030) về phát triển giáo dục – đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực;

Căn cứ Văn bản chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Bình về việc triển khai kế hoạch chiến lược phát triển trường học theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018;

Căn cứ Điều kiện thực tế về đội ngũ, cơ sở vật chất, quy mô học sinh và nhu cầu phát triển giáo dục tiểu học của xã Thanh Lâm, tỉnh Ninh Bình.

## **4. Căn cứ nội bộ của nhà trường**

Căn cứ Nghị quyết Chi bộ Trường Tiểu học Thanh Tân nhiệm kỳ 2025 - 2030;

Căn cứ kết quả đánh giá thực trạng hoạt động của nhà trường giai đoạn 2020 - 2025;

Căn cứ ý kiến góp ý của tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, Ban đại diện cha mẹ học sinh.

### **III. TỔNG QUAN VỀ TRƯỜNG TIỂU HỌC THANH TÂN**

#### **1. Thông tin chung**

Tên trường: Trường Tiểu học Thanh Tân

Địa chỉ: Thôn Đức Hào, xã Thanh Lâm

Điện thoại: 0906 196 317

Email: c1thanhtan.tl@hanam.edu.vn

Website: <https://hanam.edu.vn/ththanhtan>

Cơ quan quản lý trực tiếp: Ủy ban nhân dân xã Thanh Lâm

Loại hình trường: (Công lập/trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2, cấp độ 3.

Ngày được công nhận lại trường chuẩn Quốc gia: Tháng 8/2024.

Ngày được công nhận lại kiểm định chất lượng giáo dục: Tháng 8/2024.

#### **2. Quy mô và tổ chức**

- Tổng số lớp: 18 lớp

- Tổng số học sinh: 584 em. Trong đó:

+ Nam 316 em; Nữ 268 em

+ Học sinh dân tộc thiểu số: 05 em

+ Học sinh có hoàn cảnh khó khăn: 14 em

- Bình quân học sinh/lớp: 32,4 em/lớp

- Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên: 31 người

+ Cán bộ quản lý: 02 người (Hiệu trưởng 01, Phó Hiệu trưởng 01)

+ Giáo viên: 25 người

+ Nhân viên hành chính, phục vụ: 04 người

- Trình độ chuyên môn của đội ngũ: Đại học:  $27/31 = 87,1\%$ ; Cao đẳng: 02;

Trung cấp:  $02/31 = 12,9\%$ ; sau đại học: 0.

- Đảng viên trong nhà trường: 23 người (chiếm 74,2%)

- Tổ chức đoàn thể:

+ Chi bộ Đảng: 23 đảng viên

+ Đoàn Thanh niên: 12 đoàn viên

+ Đội TNTP: 356 đội viên

#### **3. Cơ sở vật chất, trang thiết bị**

- Diện tích khuôn viên trường: 7413 m<sup>2</sup>; Sân chơi: 2.000 m<sup>2</sup>, bãi tập: 500 m<sup>2</sup>.

- Khối phòng học: 18 phòng.

- Khối phòng bộ môn 06 phòng, gồm: Phòng Tin học 01 phòng; phòng ngoại ngữ 02 phòng; phòng Âm nhạc 01 phòng; phòng Mĩ thuật 01 phòng và 01 nhà đa năng.

- Khối phòng hành chính quản trị 05 phòng, gồm: Phòng Hiệu trưởng, phòng Phó Hiệu trưởng, phòng họp, phòng Y tế, phòng thường trực bảo vệ.

- Khối phòng phục vụ học tập 04 phòng, gồm: 01 phòng thư viện, 01 phòng đọc, 01 phòng thiết bị, 01 phòng truyền thống và hoạt động đội .

- Bàn ghế học sinh: 381 bộ bàn ghế hai chỗ ngồi (ghế đơn).

- Nhà vệ sinh: 04 nhà.

- Trang thiết bị dạy học và công nghệ thông tin:

+ Số lượng máy tính phục vụ dạy học: 22 chiếc

+ Số lượng máy tính phục vụ quản lý: 06 chiếc

+ Số lớp học có máy chiếu /tivi tương tác: 16/18 lớp

+ Hệ thống mạng Internet, Wi-Fi: Hệ thống mạng Internet và WiFi của trường hoạt động ổn định, sử dụng đồng bộ hai nhà mạng VNPT và Viettel, phủ sóng toàn bộ các khu vực lớp học, phòng chức năng và phục vụ hiệu quả công tác giáo dục, quản lý và kết nối dữ liệu ngành

#### 4. Thành tích nổi bật trong thời gian gần đây

##### 4.1. Tập thể nhà trường

Năm học	Thành tích nổi bật / Danh hiệu đạt được	Ghi chú
2021–2022	Tập thể lao động tiên tiến	
2022–2023	Không	
2023–2024	Tập thể lao động Xuất sắc	
2024–2025	Tập thể lao động Xuất sắc	
2025–2026 (dự kiến)	Tập thể lao động Xuất sắc	

##### 4.2. Cá nhân

- Cán bộ, giáo viên:

Năm học	Số giáo viên đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua / giáo viên giỏi các cấp	Ghi chú
2021–2022	18 GV giỏi cấp trường, 02 giáo viên giỏi cấp huyện; 03 chiến thi đua cơ sở; 04 giấy khen của UBND huyện, 02 giấy khen của Sở GDĐT.	
2022–2023	18 GV giỏi cấp trường, 01 giáo viên giỏi cấp huyện; 04 chiến thi đua cơ sở; 05 giấy khen của UBND huyện; 02 giấy	

	khen của Sở GDĐT.	
2023–2024	20 GV giỏi cấp trường, 01 giáo viên giỏi cấp huyện, 01 giáo viên giỏi cấp tỉnh; 04 chiến thi đua cơ sở; 07 giấy khen của UBND huyện, 02 giấy khen của Sở GDĐT.	
2024–2025	21 GV giỏi cấp trường, 01 giáo viên giỏi cấp huyện, 02 giáo viên giỏi cấp tỉnh; 05 chiến thi đua cơ sở; 10 giấy khen của UBND huyện, 02 giấy khen của Sở GDĐT.	
2025–2026 (dự kiến)	23 GV giỏi cấp trường; 05 chiến thi đua cơ sở; 07 giấy khen của UBND xã, 02 giấy khen của Sở Giáo dục và Đào tạo	

- Học sinh:

Năm học	Số học sinh đạt giải trong các kỳ thi, giao lưu các cấp	Ghi chú
2021–2022	Cấp huyện đạt 22 giải, cấp tỉnh đạt 18 giải	
2022–2023	Cấp huyện đạt 23 giải, cấp tỉnh đạt 20 giải, cấp quốc gia đạt 08 giải	
2023–2024	Cấp huyện đạt 29 giải, cấp tỉnh đạt 02 giải, cấp quốc gia đạt 01 giải	
2024–2025	Cấp huyện đạt 23 giải, cấp tỉnh đạt 20 giải, cấp quốc gia đạt 08 giải	
2025–2026 (dự kiến)	01 giải thể dục thể thao cấp tỉnh	

## 5. Thuận lợi, khó khăn

### 5.1. Thuận lợi

- Cơ sở vật chất đầy đủ, hiện đại:

+ 18 phòng học, 06 phòng bộ môn, nhà đa năng, phòng chức năng, thư viện, phòng thiết bị và hệ thống mạng Internet/Wi-Fi ổn định, phủ sóng toàn trường.

+ Trang thiết bị dạy học và CNTT: 22 máy tính phục vụ dạy học, 06 máy tính quản lý, 16 máy chiếu/tivi tương tác.

- Đội ngũ giáo viên chất lượng, ổn định:

+ Tổng số 31 cán bộ, giáo viên, nhân viên; trình độ đại học chiếm 87,1%, đội ngũ giàu kinh nghiệm và có nhiều giáo viên đạt danh hiệu giáo viên giỏi các cấp.

+ 23 đảng viên, chi bộ Đảng và các tổ chức đoàn thể hoạt động năng động, hỗ trợ công tác quản lý và giáo dục học sinh.

- Học sinh tích cực, thành tích nổi bật:

+ Tổng số 584 học sinh, tỷ lệ học sinh dân tộc thiểu số và học sinh khó khăn thấp, thuận lợi cho việc quản lý và tổ chức các hoạt động giáo dục.

+ Học sinh tham gia các kỳ thi và giao lưu đạt nhiều giải thưởng cấp huyện, tỉnh, quốc gia.

- Địa điểm thuận lợi: Trường nằm tại trục chính của đường liên thôn nên rất thuận lợi cho học sinh đi lại và triển khai các hoạt động ngoại khóa, trải nghiệm.

## **5.2. Khó khăn**

- Mặc dù cơ sở vật chất hiện đại, nhưng các phòng bộ môn chưa đủ thiết bị đa dạng để triển khai một số chương trình STEM nâng cao.

- Học sinh có hoàn cảnh đặc biệt mặc dù số lượng ít nhưng cần quan tâm đến học sinh có hoàn cảnh khó khăn và học sinh dân tộc thiểu số trong các hoạt động giáo dục, đảm bảo không bỏ lại phía sau.

- Ngân sách hạn chế nên việc đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, công nghệ mới còn gặp khó khăn.

## **6. Định hướng phát triển**

- Tăng cường bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực ứng dụng CNTT trong dạy học; khuyến khích giáo viên đạt chuẩn giáo viên giỏi các cấp, tham gia các khóa tập huấn STEM, ngoại ngữ, kỹ năng số.

- Đổi mới phương pháp dạy học, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, giáo dục STEM, giáo dục kỹ năng công dân số.

- Tập trung nâng cao chất lượng học sinh giỏi, các hoạt động trải nghiệm, phong trào thi đua học tập.

- Duy trì, nâng cấp hệ thống phòng học, phòng bộ môn, phòng chức năng, thư viện số, thiết bị, máy tính, Wi-Fi để phục vụ tốt dạy và học.

- Tăng cường liên kết với các đơn vị, tổ chức giáo dục, phụ huynh để triển khai các chương trình giáo dục bổ trợ, ngoại khóa và hoạt động trải nghiệm.

- Lập kế hoạch chiến lược 5 năm, 3 năm, hàng năm dựa trên cơ sở dữ liệu ngành (theo Thông tư 42/2021/TT-BGDĐT), đánh giá hiệu quả, điều chỉnh kịp thời các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển trường.

## **IV. Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi**

Trường Tiểu học Thanh Tân hướng tới trở thành một trường tiểu học công lập chất lượng cao, đạt chuẩn quốc gia mức độ 2, cấp độ 3, nơi:

- Học sinh được giáo dục toàn diện về kiến thức, kỹ năng và phẩm chất, phát triển năng lực tư duy, sáng tạo và kỹ năng công dân số;

- Đội ngũ giáo viên chuyên nghiệp, năng động, sáng tạo, ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin và STEM trong dạy học;
- Cơ sở vật chất hiện đại, đồng bộ, kết nối với hệ thống dữ liệu ngành giáo dục, đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông;
- Trường là môi trường giáo dục thân thiện, an toàn, khuyến khích sự hợp tác giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng.

## **2. Sứ mệnh**

Trường Tiểu học Thanh Tân cam kết:

1. Giáo dục học sinh toàn diện: Phát triển tri thức, kỹ năng sống, phẩm chất và năng lực sáng tạo, chuẩn bị hành trang cho học sinh hội nhập trong thời đại số.
2. Xây dựng đội ngũ giáo viên vững chuyên môn: Tạo môi trường bồi dưỡng, phát triển năng lực sư phạm, ứng dụng CNTT và phương pháp dạy học hiện đại.
3. Quản lý và phát triển bền vững: Sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, công nghệ và dữ liệu ngành, đảm bảo hoạt động giáo dục minh bạch, khoa học và bền vững.
4. Gắn kết cộng đồng: Hợp tác chặt chẽ với phụ huynh, các tổ chức, cơ quan quản lý giáo dục và cộng đồng, tạo môi trường giáo dục toàn diện cho học sinh.

## **3. Giá trị cốt lõi**

- Chất lượng: Luôn đặt chất lượng giáo dục lên hàng đầu, đảm bảo học sinh phát triển toàn diện.
- Sáng tạo: Khuyến khích đổi mới phương pháp dạy học, phát triển kỹ năng tư duy, STEM và công dân số.
- Trách nhiệm: Giáo viên, học sinh và nhà trường thực hiện nhiệm vụ một cách nghiêm túc, minh bạch và chuyên nghiệp.
- Hợp tác: Hướng tới sự hợp tác tích cực giữa nhà trường, phụ huynh, cộng đồng và các cơ quan quản lý giáo dục.
- Phát triển bền vững: Quản lý hiệu quả nguồn lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị, dữ liệu và môi trường giáo dục.

## **V. Phân tích SWOT (tổng hợp)**

### **1. Điểm mạnh**

Cơ sở vật chất hiện đại, đồng bộ: 18 phòng học, 06 phòng bộ môn, phòng chức năng, nhà đa năng, hệ thống Wi-Fi phủ sóng toàn trường, trang thiết bị dạy học và CNTT đầy đủ (máy tính, máy chiếu/tivi tương tác).

Đội ngũ giáo viên chất lượng, trình độ cao: 31 cán bộ, giáo viên, nhân viên; 87,1% có trình độ đại học, nhiều giáo viên đạt danh hiệu giáo viên giỏi các cấp, đội ngũ quản lý giàu kinh nghiệm.

Thành tích học tập và phong trào: Học sinh đạt nhiều giải cấp cụm, tỉnh và quốc gia; tập thể nhà trường đạt các danh hiệu Lao động tiên tiến, Xuất sắc liên tục.

Hệ thống quản lý và kết nối dữ liệu tốt: Trường triển khai hiệu quả hệ thống mạng Internet/Wi-Fi, kết nối với cơ sở dữ liệu ngành giáo dục theo Thông tư 42/2021/TT-BGDĐT.

Môi trường giáo dục thân thiện: Có sân chơi, bãi tập thể thao, thư viện, phòng học chức năng; tạo điều kiện phát triển toàn diện cho học sinh.

Tổ chức đoàn thể và Đảng bộ vững mạnh: 20 đảng viên, chi bộ Đảng hoạt động tích cực; Đoàn TN và Đội TNTP hỗ trợ các hoạt động giáo dục, phong trào học tập và trải nghiệm.

## **2. Điểm yếu**

Cơ sở vật chất chưa tối ưu cho STEM và các chương trình nâng cao: Một số phòng thí nghiệm, phòng bộ môn chưa có đủ thiết bị đa dạng cho các dự án STEM, thực hành nâng cao.

Nguồn lực tài chính hạn chế: Khó khăn trong việc nâng cấp trang thiết bị, mua sắm phần mềm, bổ sung thư viện số và các thiết bị giáo dục công nghệ mới.

Học sinh đặc thù: Mặc dù số lượng ít nhưng cần quan tâm học sinh dân tộc thiểu số và học sinh hoàn cảnh khó khăn để đảm bảo giáo dục toàn diện.

## **3. Cơ hội**

Hỗ trợ từ cơ quan quản lý và cộng đồng: Sở GDĐT, UBND xã, phụ huynh quan tâm, hỗ trợ các chương trình giáo dục, hoạt động ngoại khóa và đầu tư cơ sở vật chất.

Ứng dụng công nghệ và dữ liệu ngành: Kết nối dữ liệu với hệ thống cơ sở dữ liệu giáo dục; ứng dụng CNTT, học liệu số, quản lý trực tuyến giúp nâng cao hiệu quả giáo dục và quản lý.

Chương trình giáo dục mới: Triển khai chương trình giáo dục phổ thông 2018, STEM, giáo dục kỹ năng công dân số tạo cơ hội nâng cao chất lượng dạy học và phát triển năng lực học sinh.

Hợp tác phát triển: Liên kết với các trường, tổ chức, đơn vị giáo dục khác, tham gia các dự án, hội thi cấp xã, tỉnh và quốc gia giúp nâng cao uy tín và chất lượng giáo dục.

## **4. Thách thức**

Cạnh tranh về giáo dục chất lượng cao: Áp lực từ các trường lân cận, trường tư thục, yêu cầu ngày càng cao về chất lượng giáo dục, thành tích học sinh.

Thay đổi chương trình, chính sách giáo dục: Thường xuyên cập nhật Chương trình GDPT 2018, quy định quản lý, kiểm định chất lượng, cơ sở dữ liệu ngành đòi hỏi nhà trường phải linh hoạt, thích ứng nhanh.

Hạn chế về nguồn lực tài chính và nhân lực: Khó khăn trong việc duy trì, nâng cấp thiết bị, ứng dụng CNTT, tổ chức các hoạt động ngoại khóa, trải nghiệm.

Thách thức từ đại dịch và tình huống bất thường: Cần đảm bảo dạy học trực tuyến, quản lý học sinh, dữ liệu và kết nối mạng khi xảy ra gián đoạn hoặc các tình huống khẩn cấp.

## **VI. Mục tiêu chiến lược và các chỉ tiêu phát triển 5 năm**

### **1. Mục tiêu tổng quát**

Xây dựng Trường Tiểu học Thanh Tân giữ vững trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia mức độ 2, kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3, có chất lượng giáo dục toàn diện, môi trường thân thiện – an toàn – sáng tạo, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo trong giai đoạn chuyển đổi số.

### **2. Mục tiêu cụ thể**

#### **Mục tiêu 1. Nâng cao chất lượng giáo dục và kết quả dạy – học**

##### *a) Chỉ tiêu:*

- 100% giáo viên thực hiện đúng, đủ và hiệu quả Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 theo kế hoạch giáo dục nhà trường.

- 100% giáo viên ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong dạy học, kiểm tra, đánh giá.

- Tỷ lệ học sinh hoàn thành tốt các môn học và hoạt động giáo dục đạt từ 40% trở lên; 100% học sinh được đánh giá đúng theo quy định.

- Tỷ lệ học sinh lên lớp thẳng đạt  $\geq 99\%$ , không có học sinh bỏ học giữa chừng.

- 100% học sinh được tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, câu lạc bộ học tập, kỹ năng sống.

- Mỗi năm học có ít nhất 01 hoạt động trải nghiệm cấp trường và 01 hoạt động trải nghiệm cấp khối, lớp.

- Đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường, phấn đấu đến năm 2030:

+ 100% học sinh được học tiếng Anh theo chương trình tăng cường hoặc định hướng quốc tế;

+ 50% giáo viên có khả năng sử dụng tiếng Anh trong sinh hoạt chuyên môn, giao tiếp sư phạm cơ bản.

- Tỷ lệ học sinh đạt chuẩn năng lực công nghệ thông tin cơ bản đạt 90% vào năm 2030.

*b) Giải pháp trọng tâm*

- Đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá:

+ Tổ chức dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh, tăng cường hoạt động nhóm, học qua trải nghiệm, dự án, STEM.

+ Thực hiện đánh giá thường xuyên và định kỳ theo hướng kết hợp định tính – định lượng, gắn với học bạ điện tử và hồ sơ học tập số.

+ Đẩy mạnh đổi mới sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học, chia sẻ học liệu, bài giảng hay.

- Bồi dưỡng và phát triển năng lực đội ngũ giáo viên:

+ Tổ chức tập huấn chuyên đề về phương pháp dạy học tích cực, ứng dụng CNTT, giáo dục hòa nhập, giáo dục STEM.

+ Xây dựng đội ngũ giáo viên cốt cán, nòng cốt trong đổi mới chuyên môn và hội nhập quốc tế.

+ Hỗ trợ bồi dưỡng năng lực tiếng Anh cho giáo viên các môn, đặc biệt là giáo viên trẻ, hướng tới giao tiếp và giảng dạy song ngữ.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và quản lý:

+ Khuyến khích giáo viên xây dựng kho học liệu số, bài giảng e-learning, video dạy học, sử dụng nền tảng LMS của nhà trường.

+ Tổ chức dạy học trực tuyến kết hợp trực tiếp (blended learning) ở các khối lớp phù hợp.

+ Triển khai các phần mềm kiểm tra, đánh giá năng lực học sinh, quản lý hồ sơ, kế hoạch dạy học, học bạ điện tử.

- Phát triển hoạt động trải nghiệm và giáo dục toàn diện:

+ Tích hợp giáo dục kỹ năng sống, đạo đức, thẩm mỹ, bảo vệ môi trường, văn hóa số, an toàn giao thông vào các hoạt động học tập.

+ Tổ chức hội thi, ngày hội học sinh, sân chơi trí tuệ, trải nghiệm sáng tạo, giao lưu học sinh giỏi, cuộc thi STEM – Robotics phù hợp lứa tuổi.

+ Mỗi năm tổ chức ít nhất 01 hoạt động trải nghiệm quy mô cấp trường có sự tham gia của cộng đồng.

- Đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường tiểu học:

+ Triển khai chương trình tiếng Anh tăng cường cho các khối lớp; từng bước mở rộng mô hình lớp học song ngữ.

+ Hợp tác với Trung tâm ngoại ngữ, giáo viên bản ngữ, tổ chức giáo dục quốc tế để nâng cao chất lượng giảng dạy.

+ Phát động phong trào “English Speaking Week”, “English Festival”, câu lạc bộ tiếng Anh” định kỳ hằng tháng.

+ Khuyến khích giáo viên và học sinh giao tiếp tiếng Anh trong sinh hoạt hằng ngày, sử dụng bảng tin, khẩu hiệu, góc học tập song ngữ.

- Tăng cường phối hợp giữa nhà trường – gia đình – xã hội:

+ Xây dựng mô hình “Lớp học gắn kết phụ huynh”, phối hợp trong quản lý, hỗ trợ học tập và giáo dục đạo đức học sinh.

+ Huy động sự tham gia của Hội Cha mẹ học sinh, Đoàn Thanh niên, chính quyền địa phương trong tổ chức các hoạt động giáo dục, trải nghiệm.

+ Tuyên dương, nhân rộng điển hình tiên tiến trong dạy – học, ứng dụng CNTT, dạy học tiếng Anh và trải nghiệm sáng tạo.

*c) Tiến độ thực hiện*

<b>Giai đoạn</b>	<b>Nội dung trọng tâm</b>
2025–2026	Rà soát, chuẩn hóa kế hoạch giáo dục; tập huấn đội ngũ thực hiện CTGDPT 2018; triển khai học bạ điện tử; khởi động phong trào “Trường học nói tiếng Anh”.
2026–2027	Đẩy mạnh đổi mới phương pháp dạy học, sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học; 100% giáo viên ứng dụng CNTT; tổ chức hoạt động trải nghiệm cấp trường.
2027–2028	Phát triển mô hình lớp học song ngữ thí điểm; xây dựng kho học liệu số toàn trường; đánh giá năng lực tiếng Anh và năng lực số cho HS.
2028–2029	Nâng cao chất lượng dạy học tiếng Anh, nhân rộng mô hình lớp tăng cường; mở rộng hợp tác quốc tế, tổ chức các cuộc thi, giao lưu học tập bằng tiếng Anh.
2029–2030	Củng cố và duy trì chất lượng toàn diện; công nhận trường đạt tiêu chí “Chất lượng giáo dục tốt – Trường học song ngữ – học sinh phát triển toàn diện”.

*d) Nguồn lực thực hiện*

- Ngân sách nhà trường:

+ Chi thường xuyên và đầu tư cho thiết bị dạy học, CNTT, học liệu số, thiết bị dạy tiếng Anh.

+ Hỗ trợ kinh phí cho hoạt động trải nghiệm, hội thi, bồi dưỡng giáo viên.

- Nguồn xã hội hóa:

+ Vận động Hội Cha mẹ học sinh, doanh nghiệp, tổ chức giáo dục, dự án hợp tác quốc tế hỗ trợ kinh phí, chuyên gia, giáo viên bản ngữ.

+ Kêu gọi đầu tư phòng học ngoại ngữ, phòng học thông minh, thiết bị STEM, thư viện điện tử.

- Nguồn lực con người:

+ Đội ngũ giáo viên tâm huyết, có năng lực đổi mới, có kỹ năng CNTT và khả năng sử dụng tiếng Anh.

+ Học sinh tích cực, sáng tạo, sẵn sàng tham gia các hoạt động trải nghiệm và giao lưu học tập bằng tiếng Anh.

- Nguồn lực chuyên môn – kỹ thuật:

+ Hợp tác với Sở GDĐT, Trung tâm ngoại ngữ, các tổ chức giáo dục trong và ngoài nước để được tập huấn, tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật.

+ Xây dựng tổ chuyên môn tiếng Anh và CNTT mạnh, làm nòng cốt trong chuyển đổi số và hội nhập quốc tế.

## **Mục tiêu 2. Phát triển đội ngũ cán bộ, giáo viên và nhân viên chuyên nghiệp**

### *a) Chỉ tiêu:*

- 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định; trong đó trên 90% đạt mức khá trở lên.

- Ít nhất 70% giáo viên có chứng chỉ bồi dưỡng chuyên sâu về đổi mới phương pháp dạy học, giáo dục STEM, hoặc ứng dụng CNTT đến năm 2030.

- 100% cán bộ quản lý được bồi dưỡng năng lực lãnh đạo, quản trị nhà trường và chuyển đổi số.

- Mỗi năm có ít nhất 03 sáng kiến kinh nghiệm được công nhận cấp xã.

- Tăng tỷ lệ giáo viên giỏi các cấp trung bình 10%/năm.

### *b) Giải pháp trọng tâm:*

- Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, phát triển nghề nghiệp thường xuyên cho đội ngũ, gắn với chuẩn nghề nghiệp giáo viên và CBQL cơ sở giáo dục.

- Đổi mới công tác đánh giá, khen thưởng, tạo động lực làm việc, khuyến khích sáng tạo và tinh thần tự học, tự bồi dưỡng.

- Tăng cường sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học, chia sẻ kinh nghiệm và nâng cao năng lực số cho giáo viên.

- Tạo điều kiện tham gia tập huấn, hội thảo, lớp bồi dưỡng cấp tỉnh, liên kết với các trường sư phạm và trung tâm đào tạo.

- Phát huy vai trò của chi bộ, xây dựng môi trường làm việc tích cực, đoàn kết, chuyên nghiệp.

*c) Tiến độ:*

- Năm học 2025 - 2026: Rà soát, đánh giá thực trạng đội ngũ; xây dựng kế hoạch bồi dưỡng 5 năm.

- Năm học 2026 - 2028: 100% giáo viên tham gia tập huấn đổi mới phương pháp; mỗi tổ chuyên môn có ít nhất 01 sáng kiến.

- Năm học 2029 - 2030: Hoàn thiện đội ngũ đạt chuẩn, có ít nhất 80% giáo viên giỏi các cấp; 100% CBQL được bồi dưỡng quản trị trường học hiện đại.

*d) Nguồn lực:*

Ngân sách nhà nước, kinh phí bồi dưỡng chuyên môn hằng năm, nguồn hỗ trợ từ dự án giáo dục, xã hội hóa và các chương trình hợp tác đào tạo.

**Mục tiêu 3. Cải thiện cơ sở vật chất và môi trường học tập an toàn – thân thiện**

*a) Chỉ tiêu*

- Đến năm 2026 hoàn thành xây dựng 12 phòng học.

- Đến năm 2028, xây dựng và đưa vào sử dụng 01 phòng học chức năng STEM/ICT.

- Đến năm 2030, 100% phòng học và phòng chức năng đạt chuẩn về diện tích, ánh sáng, bàn ghế, thiết bị dạy học theo quy định của Bộ GDĐT.

- 100% lớp học được duy trì và bảo dưỡng trang bị thiết bị CNTT (máy chiếu hoặc tivi thông minh).

100% học sinh được học tập trong môi trường an toàn, xanh – sạch – thân thiện, không có tai nạn thương tích.

*b) Giải pháp trọng tâm*

- Triển khai kế hoạch xây mới 12 phòng học vào năm 2026.

- Đầu tư xây dựng phòng học chức năng STEM/ICT phù hợp Chương trình GDPT 2018.

- Huy động đa dạng nguồn lực, kết hợp ngân sách nhà nước với nguồn xã hội hóa giáo dục từ phụ huynh, doanh nghiệp, tổ chức xã hội.

- Tăng cường công tác bảo trì, bảo dưỡng định kỳ các hạng mục công trình, thiết bị, đảm bảo an toàn điện, nước, phòng cháy chữa cháy và vệ sinh học đường.

- Xây dựng cảnh quan trường học xanh – sạch – đẹp – an toàn, tạo môi trường học tập thân thiện, gần gũi với thiên nhiên.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và khai thác cơ sở vật chất, đảm bảo sử dụng hiệu quả, minh bạch và bền vững.

*c) Tiến độ thực hiện*

- Năm 2025 - 2027: Xây mới 12 phòng học.

- Năm 2027 - 2028: Xây dựng phòng học STEM/ICT.

- Năm 2029 - 2030: Duy trì, nâng cấp cơ sở vật chất, hoàn thiện cảnh quan và hệ thống thiết bị đạt chuẩn quốc gia, hướng tới mô hình “Trường học xanh – an toàn – hạnh phúc”.

*d) Nguồn lực*

- Ngân sách nhà nước: Kinh phí đầu tư hạ tầng, thiết bị.

- Nguồn xã hội hóa: Đóng góp từ phụ huynh, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân hảo tâm.

- Nguồn hỗ trợ khác: Các chương trình mục tiêu quốc gia, dự án giáo dục của địa phương và hỗ trợ của cộng đồng.

**Mục tiêu 4. Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số**

*a) Chỉ tiêu*

- Đến năm 2026, 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên được tập huấn và sử dụng thành thạo các phần mềm quản lý, giảng dạy trực tuyến, học bạ điện tử, sổ điểm điện tử.

- Đến năm 2028, hoàn thiện hệ thống quản lý điều hành nhà trường (Smart School) gồm: quản lý hồ sơ điện tử, cơ sở dữ liệu học sinh, học bạ số, phần mềm quản lý văn bản, tài sản, thư viện điện tử.

- Đến năm 2030, nhà trường đạt mức độ 3 chuyển đổi số trong giáo dục tiểu học theo Bộ tiêu chí của Bộ GDĐT; tất cả hoạt động quản lý, dạy học, kiểm tra đánh giá và truyền thông được số hóa và liên thông trên nền tảng dữ liệu ngành.

*b) Giải pháp trọng tâm*

- Triển khai kế hoạch chuyển đổi số toàn diện gắn với Chiến lược phát triển giáo dục và kế hoạch phát triển nhà trường giai đoạn 2025–2030.

- Tăng cường tập huấn, bồi dưỡng năng lực số cho cán bộ, giáo viên, nhân viên về kỹ năng sử dụng phần mềm, thiết bị CNTT, ứng dụng AI, quản trị dữ liệu và an toàn thông tin.

- Ứng dụng phần mềm quản lý đồng bộ trong các lĩnh vực: quản lý hành chính – tài chính, học sinh, hồ sơ chuyên môn, đánh giá giáo viên, công tác thi đua.

- Phát triển kho học liệu điện tử và bài giảng số, khuyến khích giáo viên tham gia xây dựng bài giảng E-learning, chia sẻ trên nền tảng của Bộ GD&ĐT.

- Tăng cường sử dụng mạng VNPT và Viettel, đảm bảo hệ thống Internet, Wi-Fi ổn định, phủ sóng toàn trường, phục vụ dạy học và quản lý trực tuyến hiệu quả.

- Thúc đẩy phối hợp với phụ huynh qua các nền tảng số, ứng dụng di động trong trao đổi thông tin học tập, điểm danh, thông báo kết quả học tập của học sinh.

- Đảm bảo an toàn, bảo mật dữ liệu, tuân thủ Thông tư số 24/2021/TT-BGDĐT về quản lý, vận hành và sử dụng cơ sở dữ liệu ngành giáo dục.

*c) Tiến độ thực hiện*

- Năm 2025 - 2026: Hoàn thiện hạ tầng mạng, trang thiết bị CNTT cơ bản, triển khai tập huấn năng lực số cho 100% CB, GV, NV.

- Năm 2026 - 2028: Triển khai đồng bộ phần mềm quản lý trường học, học bạ điện tử, kho học liệu số; thí điểm lớp học thông minh.

- Năm 2028 - 2030: Nâng cấp, tích hợp các hệ thống quản lý; hoàn thiện chuyển đổi số toàn diện, đạt tiêu chí “Trường học thông minh”.

*d) Nguồn lực*

- Ngân sách nhà nước: Trang bị cơ sở hạ tầng CNTT, phần mềm, thiết bị dạy học số.

- Nguồn xã hội hóa: Huy động đóng góp của phụ huynh, tổ chức, doanh nghiệp công nghệ giáo dục.

- Nguồn nhân lực: Cán bộ phụ trách CNTT, giáo viên chủ chốt và tổ chuyên đổi số nhà trường.

- Nguồn hỗ trợ kỹ thuật: Hợp tác với các đơn vị VNPT, Viettel và Sở GD&ĐT trong quản trị dữ liệu, bảo mật và vận hành hệ thống.

**Mục tiêu 5. Giáo dục kỹ năng sống, kỹ năng số và an toàn học đường**

*a) Chỉ tiêu*

- 100% học sinh được tham gia các hoạt động giáo dục kỹ năng sống theo chương trình của nhà trường và hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

- Trên 95% học sinh có ý thức, hành vi tích cực trong giao tiếp, ứng xử văn minh, thân thiện, biết hợp tác, chia sẻ và tôn trọng người khác.

- 100% học sinh được trang bị kiến thức cơ bản về an toàn giao thông, phòng chống tai nạn thương tích, xâm hại, đuối nước, bạo lực học đường và an toàn trên không gian mạng.

- 100% cán bộ, giáo viên được tập huấn, bồi dưỡng năng lực giáo dục kỹ năng sống, kỹ năng số và tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh.

- Từ năm 2026 trở đi, nhà trường tổ chức tối thiểu 02 chuyên đề/năm học về kỹ năng sống, kỹ năng số và an toàn học đường cho học sinh và phụ huynh.

- Đến năm 2030, hình thành môi trường giáo dục an toàn – thân thiện – lành mạnh, không có học sinh vi phạm an toàn học đường, không xảy ra bạo lực, xâm hại học sinh.

*b) Giải pháp trọng tâm*

- Tích hợp nội dung giáo dục kỹ năng sống, kỹ năng số, an toàn học đường trong các môn học và hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo Chương trình GDPT 2018.

- Tổ chức các chuyên đề, hội thảo, tọa đàm, câu lạc bộ về kỹ năng sống (kỹ năng giao tiếp, tự phục vụ, hợp tác, quản lý cảm xúc, ứng xử văn minh trong môi trường số...).

- Triển khai các hoạt động ngoại khóa, trải nghiệm sáng tạo, trò chơi học tập, diễn đàn trẻ em, “Ngày hội kỹ năng sống” nhằm hình thành năng lực thực hành cho học sinh.

- Phối hợp chặt chẽ với Công an xã, Trạm Y tế, Hội Phụ huynh trong tuyên truyền, giáo dục phòng chống tai nạn thương tích, xâm hại, bạo lực học đường, đuối nước.

- Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong tuyên truyền an toàn mạng, sử dụng Internet có trách nhiệm; hướng dẫn học sinh biết nhận diện thông tin xấu độc.

- Bồi dưỡng giáo viên về kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm, tư vấn tâm lý học sinh; nâng cao năng lực quản lý tình huống giáo dục và ứng xử sư phạm.

- Xây dựng và duy trì các góc truyền thông, bảng tin, thư viện an toàn học đường, hệ thống camera giám sát, nội quy – quy tắc ứng xử trong trường học.

- Đưa tiêu chí an toàn học đường vào nội dung đánh giá thi đua hàng năm của giáo viên, học sinh và các tổ chức đoàn thể trong nhà trường.

*c) Tiến độ thực hiện*

<b>Giai đoạn</b>	<b>Nội dung trọng tâm</b>
2025 - 2026	- Khảo sát thực trạng, xây dựng kế hoạch tổng thể về giáo dục kỹ năng sống, kỹ năng số và an toàn học đường. - Tập huấn cho 100% giáo viên cốt cán. - Thực hiện thí điểm một số mô hình CLB kỹ năng sống.
2026 - 2027	- Mở rộng các hoạt động trải nghiệm kỹ năng sống đến toàn bộ khối lớp. - Tổ chức các cuộc thi, hội thi “An toàn học đường”, “Công dân số nhỏ tuổi”.
2027 - 2028	- Hoàn thiện tài liệu giáo dục kỹ năng sống và kỹ năng số nội bộ của trường. - Đánh giá hiệu quả mô hình, điều chỉnh nội dung phù hợp từng độ tuổi.
2028 - 2029	- Tăng cường ứng dụng CNTT trong quản lý và giáo dục an toàn học đường. - Xây dựng thư viện số, góc học tập trực tuyến về kỹ năng số và an toàn mạng.
2029 -2030	- Tổng kết, đánh giá giai đoạn; xây dựng bộ tiêu chí “Trường học

	an toàn, thân thiện, hiện đại”. - Duy trì bền vững và nhân rộng mô hình.
--	---

*d) Nguồn lực thực hiện*

\* Nhân lực:

- Ban Lãnh đạo nhà trường, giáo viên chủ nhiệm, giáo viên tổng phụ trách Đội, giáo viên Tin học, Tâm lý học đường, y tế trường học.

- Phối hợp với các đơn vị: Công an xã, Trạm y tế, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ huynh.

\* Tài chính:

- Nguồn ngân sách nhà nước cấp theo dự toán chi thường xuyên.

- Nguồn xã hội hóa, tài trợ của phụ huynh, tổ chức xã hội, doanh nghiệp.

- Kinh phí hỗ trợ từ các chương trình, dự án, phong trào của ngành.

\* Cơ sở vật chất:

- Phòng học đa năng, phòng tin học, thư viện, bảng tương tác, thiết bị trình chiếu.

- Trang thiết bị truyền thông, camera giám sát, hệ thống mạng Internet ổn định.

\* Nguồn học liệu:

- Tài liệu hướng dẫn giáo dục kỹ năng sống, an toàn học đường của Bộ GDĐT.

- Tài nguyên số, video, trò chơi học tập, cẩm nang “An toàn cho em”.

**Mục tiêu 6. Quản trị nhà trường hiệu quả, minh bạch, tự chủ**

*a) Chỉ tiêu*

- 100% các hoạt động quản lý, điều hành của nhà trường được thực hiện theo quy chế dân chủ, công khai, minh bạch, đúng quy định của pháp luật.

- 100% kế hoạch, báo cáo, các khoản thu chi, đầu tư, mua sắm được công khai theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT.

- 100% cán bộ quản lý, tổ trưởng chuyên môn được bồi dưỡng nâng cao năng lực quản trị nhà trường, quản trị hoạt động dạy học, quản trị nhân sự và tài chính theo hướng chuyên đổi số.

- Đến năm 2027, nhà trường vận hành hiệu quả hệ thống quản lý điều hành điện tử, sử dụng các phần mềm quản lý trường học (học sinh, giáo viên, thiết bị, tài chính, công khai).

- Đến năm 2030, trường đạt chuẩn “Trường học tự chủ – minh bạch – trách nhiệm giải trình” theo tiêu chí của Bộ GDĐT.

- Mức độ hài lòng của phụ huynh, học sinh và giáo viên về công tác quản lý, điều hành nhà trường đạt trên 95% hằng năm.

*b) Giải pháp trọng tâm*

- Đổi mới công tác quản trị nhà trường theo hướng phát huy vai trò tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tập thể sư phạm; đảm bảo hiệu quả, dân chủ, công bằng.
- Xây dựng và thực hiện Quy chế làm việc, Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế dân chủ, đảm bảo rõ ràng, công khai, minh bạch trong mọi hoạt động.
- Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản trị:
- Sử dụng phần mềm quản lý hồ sơ, thiết bị, nhân sự, tài chính, điểm danh, học bạ số.
- Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý, tổ trưởng chuyên môn về quản trị nhà trường, quản lý nhân sự, đánh giá giáo viên, và xây dựng kế hoạch chiến lược.
- Triển khai hệ thống quản lý văn bản, công việc và lịch công tác điện tử.
- Thực hiện công khai minh bạch trong các lĩnh vực: tài chính, tuyển sinh, khen thưởng, đánh giá giáo viên, học sinh, mua sắm, đầu tư cơ sở vật chất.
- Phát huy vai trò giám sát của các tổ chức đoàn thể (Đoàn – Đội, Ban đại diện cha mẹ học sinh) trong các hoạt động nhà trường.
- Tăng cường tự chủ chuyên môn và tài chính:
  - + Trao quyền chủ động cho tổ chuyên môn trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục.
  - + Khuyến khích xã hội hóa, huy động nguồn lực phục vụ dạy học và hoạt động trải nghiệm.
  - + Đẩy mạnh văn hóa trách nhiệm – hợp tác – sáng tạo trong đội ngũ; lấy chất lượng giáo dục và sự hài lòng của phụ huynh làm thước đo hiệu quả quản trị.

*c) Tiến độ thực hiện*

<b>Giai đoạn</b>	<b>Nội dung trọng tâm</b>
2025-2026	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiện toàn bộ máy quản lý, rà soát quy chế hoạt động nội bộ.</li> <li>- Tập huấn cán bộ, giáo viên về quản trị nhà trường và chuyển đổi số.</li> <li>- Công khai toàn bộ hoạt động theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT.</li> </ul>
2026 -2027	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Triển khai hệ thống phần mềm quản lý điều hành điện tử; ứng dụng quản lý hồ sơ, học sinh, học bạ số.</li> <li>- Hoàn thiện các quy trình kiểm soát nội bộ và báo cáo minh bạch.</li> </ul>
2027-2028	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá hiệu quả công tác quản trị; điều chỉnh cơ cấu, nhiệm vụ các tổ chức trong trường.</li> <li>- Phát huy tự chủ chuyên môn và tài chính ở mức độ cao hơn.</li> </ul>
2028-2029	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng mô hình “Trường học số” và thực hiện quản trị dựa trên dữ liệu (Data-based Management).</li> </ul>

	- Mở rộng tương tác, phản hồi trực tuyến giữa nhà trường – phụ huynh – học sinh.
2029 -2030	- Tổng kết, đánh giá giai đoạn; đạt tiêu chí “Trường học tự chủ – minh bạch – trách nhiệm giải trình”. - Xây dựng kế hoạch chiến lược giai đoạn tiếp theo dựa trên dữ liệu số hóa.

*d) Nguồn lực thực hiện*

\* Nhân lực:

- Ban Lãnh đạo nhà trường, tổ trưởng chuyên môn, kế toán, văn thư, CNTT, tổng phụ trách Đội.

- Đội ngũ giáo viên được tập huấn kỹ năng số và tham gia quản trị chuyên môn.

\* Tài chính:

- Ngân sách nhà nước cấp theo dự toán chi thường xuyên.

- Nguồn kinh phí xã hội hóa, đóng góp hợp pháp của phụ huynh, các tổ chức, doanh nghiệp.

- Nguồn hỗ trợ từ các chương trình chuyển đổi số, dự án giáo dục, hợp tác địa phương.

\* Cơ sở vật chất:

- Trang bị máy tính, đường truyền Internet, hệ thống quản lý văn bản, phần mềm trường học điện tử.

- Phòng làm việc, phòng họp, bảng tương tác, thiết bị trình chiếu, hệ thống camera giám sát.

\* Nguồn học liệu và công cụ quản lý:

- Các phần mềm: Quản lý trường học (SMAS, Misa QLTH, VNEDU...), Học bạ điện tử, CSDL ngành.

- Bộ tài liệu bồi dưỡng về quản trị nhà trường, tài chính, nhân sự, đánh giá nội bộ.

- Các văn bản hướng dẫn của Bộ GDĐT, Sở, UBND xã về quản trị, công khai và tự chủ.

**Mục tiêu 7. Tăng cường hợp tác và huy động nguồn lực xã hội**

*a) Chỉ tiêu*

- 100% các hoạt động hợp tác, phối hợp giáo dục với các tổ chức, đoàn thể, cha mẹ học sinh và chính quyền địa phương được duy trì thường xuyên, hiệu quả.

- Tối thiểu 02 chương trình phối hợp/năm học với các tổ chức, đơn vị (Công an, Y tế, Đoàn – Hội, Doanh nghiệp...) trong các lĩnh vực giáo dục kỹ năng sống, an toàn học đường, chuyển đổi số, trải nghiệm sáng tạo.

- Huy động xã hội hóa đạt tối thiểu 10 - 15% tổng nguồn lực đầu tư hàng năm, phục vụ hoạt động dạy học, cơ sở vật chất, thư viện, cảnh quan trường học.

- Đến năm 2027, nhà trường xây dựng được mạng lưới đối tác giáo dục cộng đồng, gồm các đơn vị hỗ trợ hoạt động ngoại khóa, kỹ năng sống và chuyển đổi số.

- Đến năm 2030, hình thành mô hình “Trường học gắn kết cộng đồng – đồng hành cùng phát triển”, tạo được niềm tin và sự tham gia tích cực của toàn xã hội.

*b) Giải pháp trọng tâm*

- Tăng cường mối quan hệ phối hợp giữa nhà trường – gia đình – xã hội trong giáo dục học sinh, xây dựng môi trường giáo dục an toàn, thân thiện, lành mạnh.

- Phát huy vai trò của Ban đại diện cha mẹ học sinh, các đoàn thể (Đoàn Thanh niên, Hội Chữ thập đỏ, Đội TNTP Hồ Chí Minh) trong hỗ trợ giáo dục toàn diện.

- Ký kết và triển khai các chương trình phối hợp với:

+ UBND xã, Công an xã, Trạm Y tế, Trung tâm Văn hóa – Thể thao, Hội Khuyến học, Hội Phụ nữ.

+ Các doanh nghiệp, tổ chức xã hội, mạnh thường quân, cựu học sinh nhằm hỗ trợ cơ sở vật chất, trang thiết bị, học bổng.

- Tăng cường truyền thông, quảng bá hình ảnh nhà trường:

+ Xây dựng chuyên mục tuyên truyền trên website, mạng xã hội, bảng tin điện tử.

+ Đưa tin, giới thiệu các hoạt động tiêu biểu, mô hình tốt, gương điển hình trong nhà trường.

- Thực hiện xã hội hóa đúng quy định, đảm bảo nguyên tắc tự nguyện, công khai, minh bạch, có sự giám sát của Ban đại diện cha mẹ học sinh.

- Phát triển mạng lưới “cộng đồng học tập” tại địa phương; phối hợp tổ chức các hoạt động học tập suốt đời, Ngày hội đọc sách, Tuần lễ học tập suốt đời.

- Chủ động tham mưu với chính quyền địa phương về đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, huy động nguồn lực cho chuyển đổi số và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia mức cao hơn.

- Khen thưởng, ghi nhận tập thể, cá nhân, doanh nghiệp có đóng góp tích cực cho sự phát triển của nhà trường.

*c) Tiến độ thực hiện*

<b>Giai đoạn</b>	<b>Nội dung trọng tâm</b>
2025 -2026	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Rà soát, đánh giá thực trạng công tác xã hội hóa và hợp tác hiện có.</li> <li>- Kiện toàn Ban đại diện cha mẹ học sinh, xây dựng quy chế phối hợp.</li> <li>- Tổ chức ít nhất 01 chương trình phối hợp liên ngành/năm học.</li> </ul>

<b>Giai đoạn</b>	<b>Nội dung trọng tâm</b>
2026-2027	- Ký kết các biên bản hợp tác với UBND xã, Công an, Y tế, Hội Khuyến học, doanh nghiệp. - Triển khai vận động xã hội hóa cải tạo cảnh quan, trang thiết bị học tập.
2027-2028	- Mở rộng mạng lưới đối tác giáo dục cộng đồng. - Xây dựng mô hình “Góc cộng đồng – đồng hành cùng học sinh”.
2028-2029	- Phát triển nguồn lực xã hội hóa bền vững, tập trung cho chuyển đổi số và các hoạt động trải nghiệm sáng tạo. - Tổ chức diễn đàn “Cộng đồng cùng nhà trường phát triển giáo dục”.
2029-2030	- Tổng kết, đánh giá hiệu quả hợp tác và huy động xã hội hóa. - Duy trì mô hình “Trường học gắn kết cộng đồng – đồng hành cùng phát triển”. - Xây dựng kế hoạch giai đoạn tiếp theo.

*d) Nguồn lực thực hiện*

- Nhân lực:
  - + Ban Lãnh đạo nhà trường, kế toán, giáo viên tổng phụ trách, Ban đại diện cha mẹ học sinh, các tổ chức đoàn thể trong trường.
  - + Sự tham gia của chính quyền địa phương, tổ chức xã hội, doanh nghiệp, hội cựu giáo viên – cựu học sinh.
- Tài chính:
  - + Ngân sách nhà nước cấp hằng năm cho hoạt động thường xuyên.
  - + Nguồn xã hội hóa từ các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài địa phương.
  - + Các chương trình, dự án hỗ trợ giáo dục, chuyển đổi số, thư viện, học bổng.
- Cơ sở vật chất:
  - + Khuôn viên, phòng học, phòng chức năng, khu trải nghiệm, hệ thống CNTT.
  - + Hệ thống truyền thông nội bộ, website, bảng tin, pano, áp phích tuyên truyền.
- Nguồn học liệu và truyền thông:
  - Tài liệu tuyên truyền về xã hội hóa giáo dục, hướng dẫn hợp tác công – tư.
  - Các mẫu hợp đồng, biên bản phối hợp, quy chế vận động tài trợ.
  - Hệ thống dữ liệu minh chứng về đóng góp, công khai kết quả huy động xã hội hóa.

**Mục tiêu 8. Phát triển bền vững, thân thiện môi trường**

*a) Chỉ tiêu*

- 100% khuôn viên, lớp học, khu chức năng được đảm bảo xanh – sạch – đẹp – an toàn – thân thiện, có hệ thống cây xanh, thùng phân loại rác, điểm sinh hoạt ngoài trời.
- 100% học sinh được tham gia hoạt động giáo dục môi trường, bảo vệ thiên nhiên, tiết kiệm năng lượng trong các tiết học và hoạt động trải nghiệm.
- Tối thiểu 50% lượng rác thải trong trường được phân loại và tái chế đúng quy định vào năm 2030.
- 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện văn hóa xanh: tiết kiệm điện, nước, văn phòng phẩm; sử dụng vật liệu thân thiện môi trường.
- Nhà trường đạt tiêu chí “Trường học xanh, an toàn, thân thiện” theo quy định của Bộ GDĐT vào năm 2028.
- Giảm tối thiểu 10% lượng điện và nước tiêu thụ bình quân trên đầu học sinh so với giai đoạn 2020–2025.
- 100% các công trình mới, sửa chữa tuân thủ tiêu chuẩn xây dựng xanh, tiết kiệm năng lượng, có hệ thống thoát nước, xử lý rác và nhà vệ sinh đạt chuẩn.

*b) Giải pháp trọng tâm*

- Tăng cường giáo dục ý thức bảo vệ môi trường
- Tích hợp nội dung bảo vệ môi trường, biến đổi khí hậu, tiêu dùng xanh vào các môn học, hoạt động trải nghiệm.
- Tổ chức các phong trào: “Trường học xanh”, “Ngày thứ Sáu không rác”, “Em yêu thiên nhiên”, “Trồng cây – gây quỹ xanh”.
- Xây dựng, cải tạo cơ sở vật chất xanh – sạch – đẹp
- Tăng diện tích cây xanh, vườn hoa, góc thiên nhiên trong và ngoài lớp học.
- Lắp đặt hệ thống đèn tiết kiệm năng lượng, vòi nước tự ngắt, bể thu nước mưa.
- Sử dụng sơn, vật liệu thân thiện môi trường khi sửa chữa hoặc xây dựng mới.
- Quản lý, phân loại và xử lý rác thải trong trường
- Trang bị thùng rác 2 ngăn tại các khu vực: lớp học, sân trường, khu vệ sinh.
- Phối hợp với Đoàn – Đội và địa phương tổ chức thu gom, tái chế, làm đồ dùng học tập từ rác tái sử dụng.
- Ứng dụng công nghệ trong quản lý năng lượng và môi trường
- Áp dụng hệ thống theo dõi, thống kê mức tiêu thụ điện – nước hàng tháng.
- Triển khai mô hình “Trường học không giấy” từng phần để giảm in ấn, tiết kiệm tài nguyên.
- Huy động sự tham gia của cộng đồng

+ Phối hợp với UBND xã, Hội Phụ huynh, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ triển khai hoạt động “Cùng con giữ trường xanh”.

+ Tìm kiếm sự hỗ trợ từ doanh nghiệp, tổ chức môi trường, dự án CSR để tài trợ cây xanh, hệ thống nước sạch, thùng rác phân loại, thiết bị tiết kiệm năng lượng.

- Đảm bảo an toàn môi trường học đường

+ Kiểm tra định kỳ nước uống, nhà vệ sinh, bồn hoa, hệ thống thoát nước.

+ Tăng cường tuyên truyền phòng chống dịch bệnh, giảm thiểu rác thải nhựa, không sử dụng ống hút và cốc nhựa dùng một lần.

*c) Tiến độ thực hiện*

<b>Giai đoạn</b>	<b>Nội dung trọng tâm</b>
2025-2026	Rà soát thực trạng môi trường học đường; xây dựng kế hoạch tổng thể “Trường học xanh”. Tuyên truyền, giáo dục ý thức bảo vệ môi trường. Bắt đầu phân loại rác thải tại nguồn.
2026-2027	Cải tạo, bổ sung cây xanh, góc thiên nhiên, khu trải nghiệm. Triển khai tiết kiệm năng lượng, nước và vật tư hành chính. Tổ chức các cuộc thi, phong trào “Xanh – sạch – đẹp”.
2027-2028	Hoàn thiện cơ sở vật chất thân thiện môi trường, tăng cường ứng dụng công nghệ quản lý. Phấn đấu đạt tiêu chí “Trường học xanh, an toàn, thân thiện”.
2028-2029	Duy trì, nâng cao chất lượng môi trường học đường. Xây dựng mô hình điểm “Trường học xanh – không rác nhựa”.
2029-2030	Tổng kết, đánh giá, nhân rộng mô hình “Trường học xanh, bền vững” trong toàn trường; chia sẻ kinh nghiệm với các cơ sở giáo dục khác trong địa phương.

*d) Nguồn lực thực hiện*

- Ngân sách nhà trường:

+ Chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển.

+ Kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa, mua sắm thiết bị, cây xanh, thùng rác phân loại.

- Nguồn xã hội hóa:

+ Đóng góp của cha mẹ học sinh, các tổ chức, doanh nghiệp, dự án hỗ trợ giáo dục xanh.

+ Huy động nguồn lực từ chương trình CSR (trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp) hoặc các quỹ môi trường địa phương.

- Nguồn lực con người:

+ Cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh, phụ huynh cùng tham gia duy trì và phát triển môi trường xanh.

+ Thành lập Tổ môi trường học đường phụ trách kiểm tra, giám sát và đánh giá định kỳ.

- Nguồn lực kỹ thuật – chuyên môn:

Hợp tác với Trung tâm Y tế, Đoàn Thanh niên, Hội Liên hiệp Phụ nữ, các tổ chức môi trường để được tập huấn, tư vấn và hỗ trợ chuyên môn.

## **IX. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Nguyên tắc thực hiện**

- Việc triển khai thực hiện Kế hoạch chiến lược giai đoạn 2025 - 2030 của Trường Tiểu học Thanh Tân được tiến hành theo nguyên tắc: dân chủ, công khai, minh bạch, khoa học, hiệu quả và bền vững.

- Các nội dung, mục tiêu, chỉ tiêu, giải pháp trong kế hoạch được cụ thể hóa bằng kế hoạch năm học, kế hoạch chuyên môn, kế hoạch bồi dưỡng, kế hoạch chuyển đổi số và kế hoạch kiểm tra nội bộ của nhà trường.

- Bảo đảm sự lãnh đạo trực tiếp của Chi bộ, sự chỉ đạo của Sở GDĐT, sự phối hợp chặt chẽ giữa các tổ chức đoàn thể, chính quyền địa phương, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

### **2. Phân công trách nhiệm cụ thể**

*a) Hiệu trưởng:*

- Là người chịu trách nhiệm cao nhất về toàn bộ nội dung và kết quả thực hiện Kế hoạch chiến lược.

- Tổ chức quán triệt nội dung kế hoạch đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên; chỉ đạo xây dựng các kế hoạch thành phần; định kỳ kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh mục tiêu và giải pháp phù hợp thực tiễn.

- Báo cáo kết quả thực hiện với Sở GDĐT và UBND xã Thanh Lâm theo định kỳ học kỳ, năm học.

*b) Phó Hiệu trưởng:*

- Giúp Hiệu trưởng điều hành, quản lý các lĩnh vực được phân công (chuyên môn, cơ sở vật chất, chuyển đổi số, y tế học đường, công tác học sinh).

- Chủ động giám sát, đôn đốc các tổ chuyên môn, đoàn thể trong việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu của kế hoạch chiến lược.

- Đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động và báo cáo Hiệu trưởng định kỳ hằng tháng.

*c) Tổ chuyên môn và các đoàn thể:*

- Căn cứ kế hoạch chiến lược của nhà trường, xây dựng kế hoạch hành động của tổ/đoàn thể gắn với mục tiêu cụ thể từng năm học.

- Tổ chức triển khai các hoạt động bồi dưỡng, sinh hoạt chuyên môn, hội thi, phong trào thi đua... phù hợp với nhiệm vụ được giao.

- Định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo kết quả thực hiện, đề xuất biện pháp khắc phục khó khăn.

*c) Giáo viên, nhân viên:*

- Nắm vững nội dung, mục tiêu, giải pháp của kế hoạch chiến lược; tích cực tham gia thực hiện các hoạt động giáo dục, đổi mới phương pháp giảng dạy, ứng dụng CNTT, rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp.

- Góp ý, phản hồi sáng kiến nhằm cải tiến công tác chuyên môn, quản lý và chất lượng giáo dục.

*d) Ban đại diện cha mẹ học sinh:*

- Phối hợp với nhà trường trong công tác giáo dục, hỗ trợ hoạt động dạy học, phong trào thi đua, trải nghiệm, an toàn học đường.

- Huy động sự đóng góp hợp pháp, tự nguyện của phụ huynh nhằm tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị và cảnh quan nhà trường.

### **3. Công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá**

Nhà trường thành lập Tổ theo dõi, giám sát thực hiện Kế hoạch chiến lược, có nhiệm vụ:

- + Theo dõi tiến độ thực hiện, thu thập minh chứng, đánh giá mức độ hoàn thành chỉ tiêu, mục tiêu theo từng năm học.

- + Định kỳ 6 tháng và 1 năm tổ chức kiểm tra, đánh giá, rút kinh nghiệm, nhân rộng mô hình hay, cách làm hiệu quả.

- Sở GDĐT tỉnh Ninh Bình thực hiện kiểm tra, hướng dẫn, hỗ trợ chuyên môn, góp ý điều chỉnh phù hợp.

### **4. Công tác tổng kết, báo cáo:**

- Cuối mỗi năm học, nhà trường tổ chức đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch chiến lược, lập báo cáo gửi Sở GDĐT, đồng thời công khai trước hội đồng sư phạm.

- Cuối giai đoạn 2025- 2030, tổ chức tổng kết, đánh giá toàn diện kết quả, đề xuất kế hoạch chiến lược giai đoạn tiếp theo (2031–2035).

## **X. KẾT LUẬN – CAM KẾT**

### **1. Kết luận chung**

Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Tiểu học Thanh Tân giai đoạn 2025–2030 là văn bản định hướng chiến lược quan trọng, thể hiện quyết tâm chính trị và tinh thần đổi mới của toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường. Kế hoạch không chỉ nhằm giữ vững và phát huy danh hiệu “Trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2” mà còn hướng tới chuẩn mức độ 3, xây dựng môi trường học tập hiện đại, thân thiện, an toàn, xanh – sạch – đẹp, phát triển bền vững.

## **2. Cam kết của nhà trường**

- Toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên Trường Tiểu học Thanh Tân cam kết thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, đồng bộ và hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã đề ra trong Kế hoạch chiến lược.

- Hiệu trưởng chịu trách nhiệm điều hành, giám sát, báo cáo định kỳ việc thực hiện kế hoạch; bảo đảm tính công khai, minh bạch và giải trình với cơ quan quản lý, phụ huynh, cộng đồng.

- Các tổ chuyên môn, đoàn thể và từng cá nhân chủ động đăng ký phần việc, sáng kiến, giải pháp thực hiện, coi đây là tiêu chí đánh giá thi đua hằng năm.

- Nhà trường cam kết huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực, kết hợp ngân sách nhà nước và nguồn xã hội hóa, phục vụ tốt công tác dạy – học và xây dựng cơ sở vật chất.

- Định kỳ sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện, báo cáo cơ quan quản lý, đồng thời điều chỉnh kịp thời để bảo đảm phù hợp với thực tiễn và xu thế phát triển giáo dục.

## **3. Mục tiêu hướng tới**

Phấn đấu đến năm 2030, Trường Tiểu học Thanh Tân:

+ Đạt chuẩn Trường học chất lượng cao, thân thiện, an toàn, thông minh và xanh – bền vững;

+ Đội ngũ giáo viên có năng lực nghề nghiệp vững vàng, có kỹ năng số, ngoại ngữ và tinh thần đổi mới sáng tạo;

+ Học sinh phát triển toàn diện về phẩm chất, năng lực, kỹ năng sống, kỹ năng số, sẵn sàng hội nhập thời đại mới;

+ Nhà trường là điểm sáng giáo dục của xã Thanh Lâm, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã về phát triển giáo dục giai đoạn 2025–2030.

Trên đây là Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Tiểu học Thanh Tân giai đoạn 2025–2030. Nhà trường kính đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND xã Thanh Lâm quan tâm chỉ đạo, phối hợp và tạo điều kiện để Kế hoạch chiến lược được triển khai có hiệu quả, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển giáo dục của địa phương./.

***Nơi nhận:***

- Sở GDĐT;
- UBND xã Thanh lâm;
- PHT, TTCM;
- Website nhà trường;
- Lưu: VT, HSCL.

**HIỆU TRƯỞNG**

**Nguyễn Văn Long**

**UBND XÃ THANH LÂM**